TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2024/QĐ-PT	*Thái Nguyên, ngày 08 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Quế

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ích Yên và ông Lê Quý My

Tại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 09/2024/QĐST-DS ngày 07/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, đã căn cứ vào Điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 219; khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự giữa:

Nguyên đơn: Ông Dương Triều N, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu C,C/C H, lô R, T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Võ Khánh D, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ I, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 01 và số 5 Trại giam T8 - Cục C - Bộ C1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Văn B, sinh năm 1952 và bà Phùng Thị N1 (vợ ông B)

Địa chỉ: Xóm T, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B1).

Trụ sở: Tháp B1, A T, phường L, quận H, Hà Nội.

3. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: Phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Những người được thi hành án theo bản án số 781/2018/HSPT ngày 28/11/2018 của TAND cấp cao tại Hà Nội, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có:

1. Bà Trần Thị Tố N2, sinh năm 1965;

2. Bà Trần Thị Lan H, sinh năm 1971;

3. Bà Trần Thị Minh L (tên khác Trần Thị Phương H1), sinh năm 1967;

4. Bà Lưu Thị Kim K, sinh năm 1961;

5. Bà Trần Thị Bích H2, sinh năm 1973;

Đều có địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

6. Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ A cũ (nay là tổ I), phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Tổ A cũ (nay là tổ I), phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

8. Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ A cũ (nay là tổ F), phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

9. Bà Tạ Thị Bích H3, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ 16a, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện nay: Căn 709, tòa CT 1C, Chung cư thông tấn xã Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

10. Bà Đặng Phương T1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Xóm C, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

11. Bà Hồ Thị Quỳnh N3, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tổ C, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện tại: Số B, B, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

12. Ông Lưu Tiến D1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện nay: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

13. Ông Hà Công N4 (đã chết), người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Công T2, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ 21 cũ (nay là tổ A), phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

14. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Tổ A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

15. Ông Nguyễn Mai K1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ C cũ (nay là tổ B), phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

16. Ông Nguyễn Xuân T4, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Tổ A cũ (nay là tổ H), phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện nay: Tổ H, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

17. Bà Trịnh Thị H4, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Xóm Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

18. Bà Phạm Thị T5, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện tại: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

19. Bà Nguyễn Thị Hồng T6, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện tại: Tổ D, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

20. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1971;

Địa chỉ: SN F, tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

21. Ông Nguyễn Tiến H5, sinh năm 1969;

Địa chỉ: tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

22. Ông Bùi Đức K2, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện nay: Tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

23. Bà Đỗ Thị Lan N5, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ C, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

24. Ông Nguyễn Văn H6, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ A cũ (nay là tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

25. Bà Nguyễn Thị Thu H7, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Nơi ở hiện nay: Số C L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

26. Ông Phạm Văn T7;

Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện nay: Số E, đường C, tổ A, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

27. Ông Lương Hùng L2, sinh năm 1964;

28. Bà Nguyễn Thị Phương L3, sinh năm 1965;

Đều địa chỉ: P, nhà C, khu đô thị M, M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố B, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Tại đơn kháng cáo ngày 07/02/2024 ông Dương Triều N kháng cáo không đồng ý quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Toà án cấp sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ quyết định đình chỉ của Toà án cấp sơ thẩm và tiếp tục giải quyết vụ án.

Tại đơn kháng cáo ngày 16/02/2024 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B1) kháng cáo không đồng ý quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Toà án cấp sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ quyết định đình chỉ của Toà án cấp sơ thẩm và tiếp tục giải quyết vụ án.

Tại đơn kháng cáo ngày 16/02/2024 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên kháng cáo không đồng ý quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Toà án cấp sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm và Toà án cấp sơ thẩm tiếp tục xem xét đơn khởi kiện của nguyên đơn và đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng Đ.

XÉT THẤY:

Đơn khởi kiện ngày 20/7/2023 ông Dương Triều N gửi Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên khởi kiện ông Võ Khánh D và bà Nguyễn Thị Quỳnh A, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên:

1. Công nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với các thửa đất 115, 153, 246, 265, 266, 278, 279, 280, 165, 309, 310, 312 tờ bản đồ số 31 tại tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giữa vợ chồng ông Võ Khánh D và bà Nguyễn Thị Quỳnh A với ông Dương Văn B và hợp đồng tặng cho 12 thửa đất nêu trên từ ông Dương Văn B cho Dương Triều N có hiệu lực pháp luật.

2. Công nhận quyền sử dụng 12 thửa đất nêu trên được UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Dương Triều N là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Dương Triều N.

Qua xem xét toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đơn kháng cáo của ông Dương Triều N. Đơn kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B1) và đơn kháng cáo của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng phiên họp thấy rằng:

Về nguồn gốc 12 thửa đất nêu trên của vợ chồng ông Võ Khánh D và bà Nguyễn Thị Quỳnh A chuyển nhượng cho ông Dương Văn B là bố đẻ của ông N. Ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm cấp, sau đó ông B đã làm thủ tục tặng cho con trai là ông Dương Triều N và ông N cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm tặng cho. Do làm ăn cần tiền nên ông N đã thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm thế chấp. Tại bản án phúc thẩm số 781/HSPT ngày 28/11/2018 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật, bản án có tuyên "...*B**uộc Võ Khánh D và Nguyễn Thị Quỳnh A phải liên đới bồi thường tổng số tiền 112.201.548.000đ (một trăm mười hai tỷ, hai trăm linh một triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng) cho các bị hại và tiếp tục duy trì lệnh kê biên tài sản số 02 ngày 07/12/2009 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh T đối với đất và tài sản trên đất của 12 thửa đất nêu trên. Hiện tại các thửa đất và tài sản trên đất do ông Dương Triều N sở hữu, sử dụng và đang được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh T9*".". Như vậy sự việc mà ông N khởi kiện đã được giải quyết bằng bản án hình sự phúc thẩm của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, do vậy Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N, của Ngân hàng, của Cục Thi hành án mà cần giữ nguyên quyết định đình chỉ của Tòa án cấp sơ thẩm. Các đương sự không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và Hội đồng phiên họp phúc thẩm từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên họp thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng phiên họp phúc thẩm căn cứ vào điểm a, khoản 5, Điều 314 của

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bác kháng cáo của ông N, của Ngân hàng, của Cục Thi hành án, giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 09/2024/QĐST-DS ngày 07/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 09/2024/QĐST-DS ngày 07/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí: Ông Dương Triều N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm. Xác nhận ông N đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0002545 ngày 19/02/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B1) phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm. Xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0002541 ngày 19/02/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm. Xác nhận Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0002558 ngày 23/02/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên;
- Các đương sự.
- Lưu: Hồ sơ; Toà Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế